

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T**

TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số: **10/2024/DS-ST**

Ngày **08/4/2024**

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T , TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Phạm Thị Lệ Hoa**

2. Bà **Võ Thị Ngọc The**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Trần Đức Tuyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 201/2023/TLST- DS ngày 09 tháng 10 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST-DS ngày 26/02/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST-DS ngày 18/3/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Kim P** - sinh năm 1969

Địa chỉ: số 138, khu phố B, thị trấn T , huyện T , tỉnh Kiên Giang.

Đại diện theo uỷ quyền cho bà Lê Thị Kim Phượng: Bà **Lê Thị Kim C** , sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: số 29 đường P , tổ 4, khu phố A, thị trấn T , huyện T , tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh **Trương Văn H** - sinh năm 1998

Địa chỉ: khu phố Đ, thị trấn T , huyện T , tỉnh Kiên Giang (vắng mặt lần 2 không lý do)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà **Phạm Thị H** , sinh năm 1978

Địa chỉ: Khu phố Đ, thị trấn T , huyện T , tỉnh Kiên Giang (vắng mặt lần 2 không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 27/9/2023 và tại phiên tòa đại diện theo uỷ**

quyền cho nguyên đơn bà Lê Thị Kim C trình bày:

Trước đây ngày 30/3/2022 bà Lê Thị Kim P có cho anh Trương Văn H vay số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), lãi suất 2%/tháng, hai bên thoả thuận miệng khi nào bà P cần lại số tiền gốc thì thông báo trước cho anh H trong thời gian 1 tháng thì anh H sẽ trả tiền lại cho bà P, khi cho vay hai bên có làm biên nhận nợ do anh H viết và ký tên, mặt sau tờ biên nhận do bà Phạm Thị H là mẹ ruột anh H tự viết và ký tên bảo lãnh cho anh H vay tiền, việc vay tiền trên chỉ do tín chấp tin tưởng nhau.

Do có việc cần lấy lại số tiền gốc nên tháng 6/2023 bà P có gặp anh H và bà H yêu cầu anh H trả lại cho bà P số tiền 100.000.000 đồng, nhưng anh H không trả và từ đó tránh né bà P, bà P có điện thoại cho anh H và bà H nhưng không bắt máy, từ ngày vay cho đến nay anh H đóng lãi đến tháng 7/2023 được 17 tháng với số tiền 34.000.000 đồng, bắt đầu từ tháng 8/2023 thì không đóng lãi cho đến nay.

Tại phiên tòa bà C yêu cầu: Bà C yêu cầu Tòa án buộc anh Trương Văn H phải trả cho bà Lê Thị Kim P số tiền gốc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng); bà P không yêu cầu bà Phạm Thị H phải trả nợ cho bà P, bà P không yêu cầu tính lãi.

* Anh Trương Văn H, bà Phạm Thị H đã được Tòa án triệu tập nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên anh Trương Văn H, bà Phạm Thị H không có bản tự khai và lời trình bày tại Tòa án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng hợp lệ.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim P, đề nghị buộc anh Trương Văn H trả cho bà P số tiền vay gốc là 100.000.000đ, do bà P không yêu cầu tính lãi, nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Trương Văn H có địa chỉ cư trú tại khu phố

Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T.

Bị đơn anh Trương Văn H, bà Phạm Thị H người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh Trương Văn H.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Xét thấy, theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Lê Thị Kim P yêu cầu anh Trương Văn H trả số tiền vay vốn gốc là 100.000.000 đồng. Do đó, Tòa án nhân dân huyện T xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[3] Xét thấy, anh Trương Văn H chưa có ý kiến xác nhận theo đơn khởi kiện của bà P tại Tòa án. Tuy nhiên, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ, nhưng anh Trương Văn H vắng mặt không đến Tòa án.

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự: “Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó” nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh H không có sự phản đối nào đối với yêu cầu của nguyên đơn cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Do đó Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim P, yêu cầu anh Trương Văn H trả số tiền vay vốn gốc 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) là có cơ sở chấp nhận. Vào ngày 30/3/2022 bà Lê Thị Kim P có cho anh Trương Văn H vay số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), hai bên có làm biên nhận, anh H tự viết biên nhận nợ và ký tên, trong biên nhận nợ có ghi lãi suất là 2%/tháng. Từ đó cho thấy việc giao dịch vay tiền giữa bà Lê Thị Kim P và anh Trương Văn H là có thật. Do đó, đây là tình tiết, sự kiện có thật, không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử xét thấy việc bà P và anh H thỏa thuận vay tiền là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp theo quy định pháp luật nên được công nhận. Do anh H vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận nên bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ Điều 463; 466; 470 của Bộ luật dân sự quy định về hợp đồng vay tài sản và nghĩa vụ trả nợ của bên vay, anh H đã nhận tài sản vay thì phải có nghĩa vụ trả tiền cho bên cho vay khi đến hạn. Do đó, trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Kim P, buộc bị

đơn anh Trương Văn H phải trả số tiền nợ vay gốc là 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng) cho bà Lê Thị Kim P.

Bà Lê Thị Kim P không yêu cầu tính lãi, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà P xác định anh H là người trực tiếp vay tiền và nhận tiền, còn trong biên nhận do mặt sau tờ biên nhận do bà H là mẹ ruột anh H tự viết và ký tên bảo lãnh cho anh H vay tiền, nhưng bà P chỉ yêu cầu cá nhân anh H trả số nợ gốc và lãi, bà P không yêu cầu bà H cùng trả nợ là phù hợp, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì anh Trương Văn H phải chịu án phí trên số tiền trả cho bà Phượng được tính như sau: $100.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 5.000.000 \text{ đồng}$ (Năm triệu đồng).

Hoàn trả lại cho bà Lê Thị Kim P số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.500.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0000490 ngày 02/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Kiên Giang, do yêu cầu khởi kiện của bà P được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 463; 466 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Kim P về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn anh Trương Văn H.

2. Buộc anh Trương Văn H phải trả cho bà Lê Thị Kim P số tiền: 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc anh Trương Văn H phải nộp số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Hoàn trả lại cho bà Lê Thị Kim P số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0000490 ngày 02/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T , tỉnh Kiên Giang.

4. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Trương Văn Hậu, bà Phạm Thị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện T ;
- Chi cục THA huyện T ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chiến